

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày 11-01-2021
V/v: Tranh chấp về ly hôn, việc
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
-----**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Dũng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Công Đoàn
2. Ông Trương Hoài Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lưu Văn A - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 384/2020/TLST-HNGĐ ngày 13-10-2020 về việc: “Tranh chấp về ly hôn, việc nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 04-12-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 162/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22-12-2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1983

- Bị đơn: Anh **Cao Quang T**, sinh năm 1979

Cùng ĐKKHKT và nơi ở hiện nay tại: S, xã L, huyện ..., thành phố Hà Nội;
(Chị T có mặt - Anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án Nguyên đơn - chị Phạm Thị T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Cao Quang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, thành phố Hà Nội ngày 05-6-2007. Sau khi cưới, chị và anh T sinh sống cùng với gia đình nhà bố mẹ đẻ của chị tại Thôn S, xã L, huyện G, thành phố Hà Nội từ đó cho đến nay. Trong quá trình chung sống, chị và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng một phần là do anh T không chịu khó làm ăn và ham chơi cờ bạc, lơ đãng dẫn đến nợ nần nhiều người và phải nghỉ việc trong Công ty và một phần cũng là do tính cách sống, quan điểm sống của mỗi người không hợp nhau, không có tiếng nói chung với nhau. Nay, chị xác định mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để chị sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh T xác định có một con chung là cháu Cao Thành N, sinh ngày 21-9-2009. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án cho chị được nuôi cháu N. Vì hiện nay anh T không có công ăn việc làm ổn định. Nếu được Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu N thì chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản và công nợ chung vợ chồng.

**** Bị đơn - anh Cao Quang T*** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T không đến Tòa và cũng không gửi ý kiến trình bày về quan hệ hôn nhân, về khả năng, điều kiện nuôi con chung và yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Toan.

**** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:***

- Về tố tụng:

+ Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định.

+ Thẩm phán lập hồ sơ, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, tiến hành thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải; tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử tiến hành tổ tụng tại phiên toà đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tổ tụng dân sự.

+ Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tổ tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn chống đối, không chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Cao Thành N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

Về tài sản chung và công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Vụ án được thụ lý ngày 13-10-2020, nên áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tổ tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Phạm Thị T có yêu cầu xin ly hôn với anh Cao Quang T và giải quyết con chung khi ly hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Trong vụ án này, Bị đơn là anh Cao Quang T có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại thôn S, xã L, huyện G, thành phố Hà Nội nên căn cứ vào Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, anh Cao Quang T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và tại phiên tòa hôm nay, anh T vắng mặt không có lý do lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt Bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Cao Quang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã I, huyện gl, thành phố Hà Nội ngày 05-6-2007. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Mặc dù, anh Cao Quang T không đến Toà án trình bày ý kiến nhưng qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng: Tháng 7/2020, chị T và anh T đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng cách sống cũng như quan điểm sống nên chị T và anh T đã không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng. Anh T không chịu khó làm ăn, chơi cờ bạc, nợ nần và không quan tâm đến gia đình cũng như việc chăm sóc cháu N. Vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Chị T và anh T đã sống ly thân từ ngày 10-7-2020 cho đến nay. Nay, chị T xác định không còn tình cảm gì với anh T nữa và xin ly hôn.

Như vậy, chị Phạm Thị T và anh Cao Quang T không còn chung sống, không còn thương yêu, tôn trọng và tin tưởng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cuộc sống chung không thể tiếp tục. Nay, chị T xin ly hôn với anh Cao Quang T là có căn cứ và phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 nên chấp nhận.

[5] Về việc nuôi con: Chị Phạm Thị T và anh Cao Quang T có 01 con chung là cháu Cao Thành N, sinh ngày 21-9-2009. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung.

Xét thấy, hiện nay chị Toan đang có công việc và thu nhập ổn định tại với thu nhập hàng tháng là 5.700.000 đồng. Bố mẹ chị T tạo điều kiện cho chị có nhà đối diện nhà bố mẹ đẻ tại: Anh T chống đối, không đến Tòa cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về khả năng và điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét về khả năng và điều kiện nuôi con của anh T. Như vậy, chị T có đủ điều kiện và khả năng nuôi con hơn anh T. Mặt khác, cháu N hiện đang trong độ tuổi đến trường cần sự chăm sóc của người mẹ hơn và cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu N mới đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của cháu.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết và tạm hoãn việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

[7] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

- Về án phí:

[8] Do chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T nên chị T phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo:

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T đối với anh Cao Quang T. Chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Cao Quang T.

2. Về việc nuôi con: Giao cháu Cao Thành N, sinh ngày 21-9-2009 cho chị Phạm Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm hoãn việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Cao Quang T cho đến khi cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị

T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/0005528 ngày 12-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, nay chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo :

Chị Toan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Thuyết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được Tòa án tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP. Hà Nội;
- VKSND huyện Gia Lâm;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Quang Dũng